

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM -ST

Ngày: 30 - 11- 2018

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Bình
2. Bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giang Thị Thúy Thu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 40/2018/TLST- KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX- ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S; Địa chỉ: Đại Lộ V, xã Nh, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Sơn L, chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh (Văn bản ủy quyền số 05.2018/GUQ ngày 12/7/2018 của Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần P; Địa chỉ: Lô C1, Khu công nghiệp Kh, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Hương L, chức vụ: Nhân viên phòng hành chính nhân sự (Văn bản ủy quyền số 181016.01/UQ-CPPL ngày 16/10/2018 của Công ty cổ phần P).

Tại phiên tòa: Ông H, bà L có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải ông Trần Đức H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S (Công ty S) và Công ty cổ phần P (Công ty P) có ký kết hợp đồng kinh tế số 01.2017/HĐKT/CPPL -S ngày 20/01/2017 về việc mua bán các loại thép vật liệu xây dựng. Trong hợp đồng hai bên thống nhất với nội dung Công ty S cung cấp hàng hóa bán các loại thép vật liệu cho Công ty P để thi công công trình xây dựng, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, hàng hóa, khối lượng, chủng loại, phương thức giao nhận hàng và đơn giá cũng như các điều khoản về lãi suất. Công ty P sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S toàn bộ giá trị lô hàng đã nhận trong thời gian 60 ngày kể từ ngày Công ty P nhận hàng. Nếu vượt quá thời hạn thanh toán thì Công ty P phải chịu lãi suất là 2.0%/ tháng cho số tiền chậm trả, thời gian không quá ba ngày tính từ ngày đến hạn. Kể từ ngày thứ 4 trở đi sẽ phải chịu lãi suất quá hạn 3.0%/tháng. Ngày 08/3/2017 Công ty S giao hàng cho Công ty P số tiền hàng là 834.428.412đồng. Ngày 05/10/2017 hai bên đã tiến hành ký kết xác nhận biên bản đối chiếu công nợ với số tiền là 834.428.412 đồng. Ngày 13/02/2018 Công ty P đã thanh toán cho Công ty S số tiền nợ là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Hiện nay số tiền gốc còn nợ lại là 434.428.412đồng và tiền lãi chưa thanh toán. Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty S yêu cầu Công ty P phải trả số tiền nợ gốc là 434.428.412đồng và thay đổi mức tính lãi suất, không yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng nữa, đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng của số tiền 834.428.412 đồng từ ngày 09/5/2017 đến ngày 13/02/2018 là 129.280.775đồng và số tiền lãi của số tiền 434.428.412 đồng từ ngày 14/02/2018 cho đến ngày xét xử 30/11/2018 là 69.470.895đồng. Tổng số tiền lãi là 198.751.670đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là **633.180.082đồng**. (Sáu trăm ba mươi ba triệu, một trăm tám mươi nghìn không trăm tám mươi hai đồng) và lãi phát sinh sau ngày 30/11/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải bà Đỗ Thị Hương L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của nguyên đơn trình bày về hợp đồng kinh tế số 01.2017/HĐKT/CPPL -S ngày 20/01/2017 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/10/2017, Công ty P nợ Công ty S số tiền hàng là 834.428.412 đồng. Đến ngày 13/02/2018 Công ty cổ phần P đã thanh toán cho Công ty S số tiền là 400.000.000đồng. Hiện nay Công ty cổ phần P còn nợ Công ty S số tiền là 434.428.412 đồng và tiền lãi chưa thanh toán.

Tại phiên tòa đại diện của Công ty S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, do Công ty P không trả tiền luôn cho Công ty S nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu đã trình bày ở trên.

Tại phiên tòa Công ty P đề nghị Tòa án tính lại lãi suất đã thỏa thuận giữa hai công ty theo quy định của pháp luật dân sự. Tại phiên hòa giải Công ty P đã đưa ra phương án trả tiền

nhưng Công ty S không nhất trí nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S đối với Công ty cổ phần P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Buộc Công ty cổ phần P phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S số tiền còn nợ là 434.428.412 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán đến ngày xét xử 30/11/2018 là: 198.751.670 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Công ty S theo mức lãi suất là 20%/năm.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty cổ phần P phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S và Công ty cổ phần P ký hợp đồng kinh tế số 01.2017/HĐKT ngày 20/01/2017 về việc mua bán các loại thép vật liệu xây dựng, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận nên theo quy định nên tại các Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình .

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 20/01/2017 Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S và Công ty cổ phần P ký kết hợp đồng kinh tế số 01.2017/HĐKT/CPPL-S nội dung Công ty S bán các loại thép vật liệu xây dựng cho Công ty P để thi công công trình , việc ký kết hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty S đã thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Ngày 05/10/2017 hai bên có biên bản đối chiếu công nợ Công ty P nợ Công ty S số

tiền là 834.428.412 đồng. Ngày 13/02/2018 Công ty P đã thanh toán cho Công ty S số tiền nợ là 400.000.000đ. Đến nay Công ty P xác nhận còn nợ Công ty S số tiền là 434.428.412 đồng và tiền lãi chưa thanh toán nhưng không có phương thức trả nợ luôn cho Công ty S nên Công ty S đã khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Hai bên khi ký kết hợp đồng thống nhất thỏa thuận “Nếu vượt quá hạn thanh toán thì bên A phải chịu lãi suất là 2%/ tháng (tương đương 24%/năm) cho số tiền chậm trả, nhưng thời gian quá hạn không quá 03 ngày tính từ ngày đến hạn. Kể từ ngày thứ 4 trở đi bên A phải chịu lãi suất quá hạn 3,0%/tháng”. Tại phiên tòa Công ty S đề nghị tính mức lãi suất chậm trả là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) và lãi suất phát sinh cho đến khi trả xong nợ. Công ty P cũng yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật dân sự. Xét thấy yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn tại phiên tòa thấp hơn mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015 nên cần chấp nhận.

Thời gian tính lãi cho Công ty S đối với số tiền 834.428.412đồng từ ngày 09/5/2017 đến 13/02/2018 là 280 ngày:

$$834.428.412đ \times 1,66\%/tháng \times 280ngày : 30 ngày = 129.280.775đồng.$$

Thời gian tính lãi cho Công ty S đối với số tiền 434.428.412đồng từ ngày 14/02/2018 đến 30/11/2018 là 289 ngày:

$$434.428.412đ \times 1,66\%/tháng \times 289ngày : 30 ngày = 69.470.895đồng.$$

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 30/11/2018 là: 198.751.670 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi Công ty cổ phần P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S đến ngày 30/11/2018 là: 434.428.412 đồng + 198.751.670 đồng = 633.180.082 đồng (Sáu trăm ba mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày 01/12/2018, Công ty P còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 BLDS cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Công ty S.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn Công ty P phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của số tiền: 633.180.082đồng: $[20.000.000đ + (4\% \times 233.180.082) = 29.327.203đồng$ (Làm tròn: 29.327.000đồng).

Công ty S không phải nộp án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.
Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

Điều 6; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S đối với Công ty cổ phần P về “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”.

1. Buộc Công ty cổ phần P phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S tổng số tiền là 633.180.082đồng (Sáu trăm ba mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn không trăm tám mươi hai đồng) trong đó tiền nợ gốc là 434.428.412 đồng (Bốn trăm ba mươi tư triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm mười hai đồng) và tiền lãi là 198.751.670đồng (Một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Công ty cổ phần P phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Công ty S theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần P phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 29.327.000đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần thép và thiết bị xây dựng S số tiền là 14.590.000đồng (Mười bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng), Công ty S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000789 ngày 19 tháng 7 năm 2018.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

6

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Trần Thị Sâm